TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2020
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và bà Lê Thị Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát Vên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 2 năm 2020 về Vệc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đức H, sinh năm 1983 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Tổ V, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/2/2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 16/12/2009; đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh N (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh N). Vệc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến đầu năm 2020 anh phát hiện chị T quan hệ tình cảm với người khác và bỏ chồng con. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Vũ Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012, hiện nay con đang sống với anh. Anh và chị T không có con nuôi, không ai có con riêng. Ly hôn với chị T, anh có nguyện vọng xin

được trực tiếp nuôi cháu V và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 08/7/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Vũ Đức H vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống chị và anh H không có tiếng nói chung. Nay anh H làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Vũ Đức H có một con chung là Vũ Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012. Chị đồng ý giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã A: Bà Trần Thị L – Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã A cho biết: Anh Vũ Đức H và chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu tại xóm B, xã A. Quan hệ hôn nhân là hợp pháp; trước đây anh H, chị T vào làm ăn tại thành phố Đà Nẵng. Hiện nay anh H đưa con chung về quê sinh sống, còn chị T đang làm ăn tại Đà Nẵng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị T như thế nào thì địa phương không rõ vì không có đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương. Về điều kiện nuôi con của anh H và chị T như thế nào thì địa phương không năm rõ vì vợ chồng đi làm ăn xa. Đối với yêu cầu của anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Công an xã A: Ông Trần Xuân P – Trưởng Công an xã cho biết chị Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu tại Thôn B, xã A, huyện Q, tỉnh N do anh Vũ Đức H là chủ hộ. Hiện nay chị T chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác và không có mặt tại địa phương. Qua nắm bắt thông tin của thôn thì chị T đang làm Vệc và sống tại thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Vện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao con chung là Vũ Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012 cho anh Vũ Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn Vệc cấp dưỡng nuôi con cho chị T vì anh H không yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định của Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của anh Vũ Đức H.

Về Vệc vắng mặt chị Nguyễn Thị T: Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giao thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu kèm theo cho chị Nguyễn Thị T. Chị T Vết bản tự khai trình bày các mối quan hệ tình cảm, con chung và tài sản. Chị có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt chị. Do vậy, căn cứ Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Vũ Đức H và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo anh H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Theo chị T trình bày vợ chồng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, giấy chứng nhận kết hôn mà anh H nộp cho Tòa án khi khởi kiện phản ánh vợ chồng kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh N (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh N) là đúng. Quá trình chung sống chị và anh H không có tiếng nói chung; nay anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý. Theo trình bày của anh H, chị T chứng tỏ tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đức H, cho anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Vũ Đức H và chị Nguyễn Thị T thống nhất vợ chồng có 1 con chung là Vũ Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012. Hiện nay con đang sống với anh H; Vợ chồng không có con nuôi, không ai có con riêng.

Nguyện vọng của cháu Vũ Nguyễn Tường V xin được ở với bố. Anh H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, nghĩ nên giao cháu V cho anh Vũ Đức H trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn Vệc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T vì anh H không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Nguyễn Tường V, sinh ngày 25/12/2012 cho anh Vũ Đức H tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm hoãn Vệc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T do anh Vũ Đức H không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004399 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q,TX H, tỉnh N (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh